

**TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 HUYỆN IA H'DRAI**

(Kèm theo Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Nguồn vốn | Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | | Ghi chú |
|------------|--|--|--------------------|--------------------------------------|----------|----------|
| | | Tổng số | Trong đó | | | |
| | | | Phân bổ thực hiện | | Dự phòng | |
| | | | NSNN | Nguồn vốn người dân và huy động khác | | |
| <i>I</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> |
| | TỔNG CỘNG | 198,321.370 | 198,321.370 | - | - | |
| A | Vốn đầu tư ngân sách địa phương | 198,321.370 | 198,321.370 | - | - | |
| I | Nguồn vốn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg | 78,162.000 | 78,162.000 | | - | |
| 1 | Phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 | 55,002.000 | 55,002.000 | | - | |
| 2 | Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT) | 13,160.000 | 13,160.000 | | - | |
| 3 | Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách | 10,000.000 | 10,000.000 | | - | |
| II | Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối | 115,819.370 | 115,819.370 | | - | |
| III | Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM) | 4,340.000 | 4,340.000 | | - | |

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 136 /KH-UBND ngày 14 /12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư | | | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 | | Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | Ghi chú |
|----------|--|----------|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|---|--------------------|-----------------------------|-----------------------------------|---------|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | Dự kiến đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSDP | | | |
| | | | | | | | | | | | Tổng số | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 19 |
| | TỔNG SỐ (A+B+C) | | | | | - | - | 21,086.725 | 21,086.725 | 198,321.370 | 198,321.370 | - | - | |
| A | Nguồn vốn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg | | | | | - | - | - | - | 78,162.000 | 78,162.000 | - | - | |
| I | Phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 | | | | | - | - | - | - | 55,002.000 | 55,002.000 | - | - | |
| 1 | NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | | | | | | | - | - | 2,750.000 | 2,750.000 | - | - | |
| - | Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai | | Xã Ia Toi | 2021- | | 4,500.000 | 4,500.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai | | Xã Ia Toi | 2021- | | 750.000 | 750.000 | | | 50.000 | 50.000 | | | |
| - | Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,285.000 | 1,285.000 | | | 100.000 | 100.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT33 (N64-N65) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,628.000 | 1,628.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT36 (N9-N66) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,948.000 | 1,948.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT37 (N7-N75) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,608.000 | 5,608.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT27 (N40-N53). | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,890.000 | 5,890.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT32 (N55-N58) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,643.000 | 5,643.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT31 (N57-N54) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 7,851.000 | 7,851.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT30 (N52-N54) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 3,808.000 | 3,808.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT21 (N40-N30) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,957.000 | 5,957.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT20 (N39-N30) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 4,230.000 | 4,230.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT22 (N32-N33) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,968.000 | 1,968.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT23 (N34-N35) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,968.000 | 1,968.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT24 (N37-N36) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,968.000 | 1,968.000 | | | 200.000 | 200.000 | | | |
| 2 | THỰC HIỆN DỰ ÁN | | | | | | | | | 52,252.000 | 52,252.000 | - | - | |
| - | Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai | | Xã Ia Toi | 2021- | | 4,500.000 | 4,500.000 | | | 4,300.000 | 4,300.000 | | | |
| - | Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai | | Xã Ia Toi | 2021- | | 750.000 | 750.000 | | | 700.000 | 700.000 | | | |
| - | Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,285.000 | 1,285.000 | | | 1,185.000 | 1,185.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT33 (N64-N65) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,628.000 | 1,628.000 | | | 1,428.000 | 1,428.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT36 (N9-N66) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,948.000 | 1,948.000 | | | 1,748.000 | 1,748.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT37 (N7-N75) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,608.000 | 5,608.000 | | | 5,408.000 | 5,408.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT27 (N40-N53). | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,890.000 | 5,890.000 | | | 5,690.000 | 5,690.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT32 (N55-N58) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,643.000 | 5,643.000 | | | 5,443.000 | 5,443.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT31 (N57-N54) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 7,851.000 | 7,851.000 | | | 7,651.000 | 7,651.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT30 (N52-N54) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 3,808.000 | 3,808.000 | | | 3,608.000 | 3,608.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT21 (N40-N30) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 5,957.000 | 5,957.000 | | | 5,757.000 | 5,757.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT20 (N39-N30) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 4,230.000 | 4,230.000 | | | 4,030.000 | 4,030.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT22 (N32-N33) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,968.000 | 1,968.000 | | | 1,768.000 | 1,768.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT23 (N34-N35) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,968.000 | 1,968.000 | | | 1,768.000 | 1,768.000 | | | |
| - | Công trình Đường ĐDT24 (N37-N36) | | Xã Ia Toi | 2021- | | 1,968.000 | 1,968.000 | | | 1,768.000 | 1,768.000 | | | |

| STT | Danh mục dự án | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư | | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 | | Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | Ghi chú | |
|------------|---|----------|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|---|--------------------------------|------------------------------------|---|--------------------|-----------------------------|---------|-----------------------------------|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | Dự kiến đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSDP | | | |
| | | | | | | | | | | | Tổng số | Thu hồi các khoản ứng trước | | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ |
| II | Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT) | | | | | | | | 13,160.000 | 13,160.000 | - | - | | |
| 1 | NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | | | | | | | | 1,000.000 | 1,000.000 | - | - | | |
| - | Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ) | | | | 8,000.000 | 8,000.000 | | | 500.000 | 500.000 | | | | |
| - | Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ) | | | | 5,160.000 | 5,160.000 | | | 500.000 | 500.000 | | | | |
| 2 | THỰC HIỆN DỰ ÁN | | | | | | - | - | 12,160.000 | 12,160.000 | - | - | | |
| - | Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ) | | | | 8,000.000 | 8,000.000 | | | 7,500.000 | 7,500.000 | | | | |
| - | Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ) | | | | 5,160.000 | 5,160.000 | | | 4,660.000 | 4,660.000 | | | | |
| III | Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách | | | | | | | | 10,000.000 | 10,000.000 | - | - | | |
| 1 | NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | | | | | | | | 500.000 | 500.000 | - | - | | |
| - | Công trình Đường ĐĐT05 | | | | 2,500.000 | 2,500.000 | | | 500.000 | 500.000 | | | | |
| 2 | THỰC HIỆN DỰ ÁN | | | | | | | | 9,500.000 | 9,500.000 | - | - | | |
| - | Cầu Drai (thuộc Đường giao thông nối trung tâm hành chính huyện với đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le) | 7713157 | huyện Ia H'Drai | 2018- | 02/QĐ-UBND huyện | 37,750.040 | 37,750.040 | | 1,770.000 | 1,770.000 | | | | |
| - | Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (Thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai) | 7778421 | Xã Ia Đal | 2018- | 880/QĐ-UBND tỉnh | 14,063.574 | 12,526.574 | | 4,800.000 | 4,800.000 | | | | |
| - | Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75) | | | | 5,608.000 | 5,608.000 | | | 930.000 | 930.000 | | | | |
| - | Công trình Đường ĐĐT05 | | | | 2,500.000 | 2,500.000 | | | 2,000.000 | 2,000.000 | | | | |
| B | Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối | | | | | | | 21,086.725 | 21,086.725 | 115,819.370 | 115,819.370 | - | - | |
| I | NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | | | | | | | - | - | - | - | - | - | |
| II | THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2)) | | | | | | | 21,086.725 | 21,086.725 | 115,819.370 | 115,819.370 | - | - | |

| STT | Danh mục dự án | Mã dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư | | | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 | | Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | Ghi chú |
|-----|--|----------|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|---|--------------------|-----------------------------|-----------------------------------|---------|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | Dự kiến đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | |
| | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSDP | | | |
| | | | | | | | | | | | Tổng số | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ | |
| (1) | Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | | | | 21,086.725 | 21,086.725 | 110,341.370 | 110,341.370 | - | - | |
| - | Dự án chợ trung tâm huyện | 7813033 | xã Ia Toi | 2020- | 497; 30/10/2019 | 10,000.000 | 10,000.000 | 2,591.314 | 2,591.314 | 7,408.686 | 7,408.686 | | | |
| - | Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư số 20, xã Ia Đal | 7778471 | xã Ia Đal | 2020- | 292; 31/7/2019 | 2,500.000 | 2,500.000 | 173.504 | 173.504 | 2,326.496 | 2,326.496 | | | |
| - | Dự án Mở rộng Quốc lộ 14C (đoạn từ N2-N5) | 7828198 | xã Ia Toi | 2020- | 188; 22/4/2020 | 14,100.000 | 14,100.000 | 10,222.639 | 10,222.639 | 3,877.361 | 3,877.361 | | | |
| - | Đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện | 7787810 | xã Ia Toi | 2021-2025 | 438; 15/10/2019 | 9,440.095 | 9,440.095 | 132.718 | 132.718 | 9,307.377 | 9,307.377 | | | |
| - | Mở rộng Quốc lộ 14C (Đoạn từ ĐĐT25 đến cầu Suối Đá) | | xã Ia Toi | 2021-2025 | 185; 22/4/2020 | 12,000.000 | 12,000.000 | - | - | 12,000.000 | 12,000.000 | | | |
| - | Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Toi (Giai đoạn 2) | | xã Ia Toi | 2021-2026 | 490; 23/10/2020 | 4,200.000 | 4,200.000 | 3,141.292 | 3,141.292 | 1,058.708 | 1,058.708 | | | |
| - | Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C đoạn từ Trung tâm hành chính huyện đến ngã 3 Quốc lộ 14C - Sê San 3 | | huyện Ia H'Drai | 2020- | | 79,188.000 | 79,188.000 | 4,825.258 | 4,825.258 | 74,362.742 | 74,362.742 | | | |
| (2) | Các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025 | | | | | | | - | - | 5,478.000 | 5,478.000 | | | |
| + | Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng các công trình | | huyện Ia H'Drai | 2021-2025 | | 1,000.000 | 1,000.000 | | | 1,000.000 | 1,000.000 | | | |
| + | Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75) | | xã Ia Toi | 2021-2026 | | 5,608.000 | 5,608.000 | | | 4,478.000 | 4,478.000 | | | |
| C | Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM) | | | | | - | - | | | 4,340.000 | 4,340.000 | - | - | |
| I | NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | | | | | | | | | 870.000 | 870.000 | - | - | |
| 1 | Trưởng mầm non Hoa Mai (phòng học và phòng chức năng, bếp ăn một chiều và nhà công vụ) | | xã Ia Toi | 2021- | | 4,340.000 | 4,340.000 | | | 870.000 | 870.000 | | | |
| III | THỰC HIỆN DỰ ÁN ((1)+(2)) | | | | | | | - | - | 3,470.000 | 3,470.000 | - | - | |
| (1) | Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 | | | | | 4,340.000 | 4,340.000 | - | - | 3,470.000 | 3,470.000 | - | - | |
| 1 | Trưởng mầm non Hoa Mai (phòng học và phòng chức năng, bếp ăn một chiều và nhà công vụ) | | xã Ia Toi | 2021- | | 4,340.000 | 4,340.000 | | | 3,470.000 | 3,470.000 | | | |